

VAI TRÒ CỦA KINH TẾ BIỂN ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA VIỆT NAM

PHAN THỊ CẨM LAI*

Trong bối cảnh nguồn tài nguyên trên đất liền ngày càng khan hiếm do đáp ứng yêu cầu tăng trưởng nhanh chóng của nền kinh tế thì khai thác tài nguyên biển đã trở thành chiến lược quan trọng của các quốc gia. Phát triển kinh tế biển không chỉ là một xu thế tất yếu mà còn là một hướng đi quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam nhằm đáp ứng và bảo đảm các nhu cầu về thực phẩm, nguyên liệu, giải quyết việc làm, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng - an ninh và mở rộng hợp tác quốc tế.

Từ khóa: Kinh tế biển; phát triển kinh tế biển; vai trò của kinh tế biển; khai thác biển.

In the context where land-based resources are increasingly scarce due to meeting the rapid growth demands of the economy, the exploitation of marine resources has become a crucial strategy for many nations. Developing the maritime economy is not only an inevitable trend but also a significant direction in the socio-economic development strategy of Vietnam. It aims to fulfill and ensure various food needs, and materials, create jobs, protect the environment, ensure national defense, and security and expand international cooperation.

Keywords: Maritime economy; development of the maritime economy; the role of maritime economy; marine exploitation.

NGÀY NHẬN: 17/01/2024

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 18/02/2024

NGÀY DUYỆT: 18/3/2024

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.338.2024.789>

1. Đặt vấn đề

Việt Nam ngày càng nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của kinh tế biển; phát triển kinh tế biển là một trong những nội dung quan trọng luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm. Ngày 22/10/2018, Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8 (khóa XII) đã ban hành Nghị quyết số 36-NQ/TW về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó đã chỉ rõ mục tiêu đến năm 2030:

“Các ngành kinh tế thuận biển đóng góp khoảng 10% GDP cả nước; kinh tế của 28 tỉnh, thành phố ven biển ước đạt 65 - 70% GDP cả nước”. Điều này một lần nữa khẳng định, kinh tế biển thực sự đã trở thành động lực, tiền đề quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội; cải thiện chất lượng cuộc sống cho người dân và xóa đói, giảm nghèo.

* TS, Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh

2. Vai trò của kinh tế biển trong phát triển kinh tế - xã hội

Thứ nhất, kinh tế biển thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của các địa phương ven biển nói riêng và cả nước nói chung.

Thời gian qua, các ngành kinh tế biển đã đóng góp lớn vào GDP của cả nước, giai đoạn 2011 - 2020, tốc độ tăng trưởng kinh tế của các tỉnh, thành phố vùng ven biển đạt 6,4% bình quân năm. Cụ thể, năm 2020, GRDP của 28 tỉnh, thành phố ven biển theo giá hiện hành đạt mức 4.040,7 nghìn tỷ đồng, chiếm 50,1% GDP cả nước¹. Năm 2023, kinh tế biển đóng góp vào GDP cả nước chiếm khoảng 60 - 65%². Trong đó, một số địa phương ven biển có tốc độ tăng GRDP ở mức cao so với tốc độ tăng GDP trong quý I/2023, như: Bình Thuận tăng 9,86%; Hải Phòng tăng 9,65%; Khánh Hòa tăng 9,07%; Cà Mau tăng 9,05%³.

Các hoạt động của kinh tế biển đã góp phần gia tăng thu nhập cho cộng đồng cư dân ven biển. Các địa phương ven biển có GDP bình quân đầu người đạt 84,4 triệu đồng, cao gấp 1,02 lần so với mức bình quân cả nước (82,7 triệu đồng) vào năm 2020. Trong đó, một số tỉnh, thành phố đứng top đầu cả nước về mức GDP bình quân đầu người, lần lượt là tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu: 263 triệu đồng, tỉnh Quảng Ninh: 164 triệu đồng, TP. Hồ Chí Minh: 148 triệu đồng và thành phố Hải Phòng: 134,6 triệu đồng⁴. Đến năm 2022, các tỉnh, thành phố này vẫn nằm trong top thu nhập cao của cả nước và có sự thay đổi nhẹ về vị trí xếp hạng. Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu vẫn giữ vị trí thứ nhất với 333,5 triệu đồng và thành phố Hải Phòng tăng hạng lên vị trí số ba với 173,9 triệu đồng⁶.

Thứ hai, kinh tế biển thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế Việt Nam.

Cơ cấu kinh tế nhiều tỉnh, thành phố ven biển nước ta đã có sự dịch chuyển mạnh từ ngành Nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp sang công nghiệp (trọng tâm là dầu khí) và dịch vụ (chủ yếu là dịch vụ du lịch, nghỉ

dưỡng); các trung tâm công nghiệp quan trọng cũng đã hình thành, như: Liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn, Thanh Hóa, Trung tâm nhiệt điện Vĩnh Tân, Bình Thuận, Cụm khí - điện - đạm Cà Mau. Nếu như trước đây, nền kinh tế nông nghiệp thực hiện lấn biển, khai thác biển để mở rộng diện tích đất canh tác và đáp ứng nhu cầu lương thực cơ bản cho cư dân vùng ven biển, đến nay còn có sự tham gia tích cực của các ngành kinh tế công nghiệp, dịch vụ, như: ngành khai thác thủy sản được coi là một trong số các ngành kinh tế có tiềm năng phát triển của Việt Nam.

Thời gian gần đây, ngành khai thác thủy sản đã được đầu tư nhằm đẩy mạnh các hoạt động khai thác hải sản xa bờ tạo ra nhiều sản phẩm xuất khẩu có giá trị kinh tế cao. Năm 2019, khoảng 75% sản lượng thủy sản (cả khai thác và nuôi trồng) sản xuất tại Việt Nam được chế biến xuất khẩu, tương đương khoảng 5,5 - 6 triệu tấn nguyên liệu thủy sản thô được xuất khẩu⁶. Năm 2022, xuất khẩu thủy sản lần đầu tiên đạt mốc 10,9 tỷ USD, chiếm 2,9% cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu, tăng 23,1% so với năm 2021. Đây là 1 trong 8 mặt hàng xuất khẩu có giá trị trên 10 tỷ USD trong năm 2022⁷. Sự phát triển của ngành thủy sản đã thúc đẩy ngành dịch vụ logistics phát triển do hàng thủy sản xuất khẩu được vận chuyển bằng đường biển là chủ yếu. Ngoài ra, kinh tế biển phát triển còn tác động, thúc đẩy các ngành dịch vụ biển khác tăng trưởng, như: công nghiệp chế biến; dịch vụ đóng và sửa chữa tàu biển; viễn thông và thông tin liên lạc biển; tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn trên biển; nghiên cứu khoa học - công nghệ biển...

Thứ ba, kinh tế biển góp phần giải quyết việc làm, đa dạng hóa nguồn thu nhập và duy trì sinh kế cho cộng đồng cư dân ven biển.

Kinh tế biển mang đến nguồn lợi đa dạng từ hoạt động đánh bắt, nuôi trồng thủy sản; khai thác và chế biến dầu khí, dịch vụ hậu cần biển, du lịch biển. Điều này không chỉ

góp phần giải quyết việc làm, đa dạng hóa nguồn thu nhập cho người lao động mà còn đóng góp vào thành công của chiến lược xóa đói, giảm nghèo quốc gia.

Sự phát triển của các ngành công nghiệp, như: logistics, đóng và sửa chữa tàu biển, du lịch biển đã tạo ra cơ hội việc làm và thu nhập cho cộng đồng cư dân ven biển. Kết quả Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2020 cho thấy, nghề cá góp phần giải quyết việc làm, ổn định thu nhập và duy trì sinh kế cho khoảng 1% lao động cả nước, 3,02% lao động trong lĩnh vực nông nghiệp và 13,71% lao động trong lĩnh vực thủy sản. Giai đoạn 2016 - 2020, nghề cá phát triển đã góp phần xóa đói giảm nghèo cho các xã bãi ngang đặc biệt khó khăn ven biển (giảm khoảng 26 xã nghèo so với giai đoạn 2011 - 2015)⁸. Năm 2023, các địa phương ven biển đã thu hút hơn 15 triệu lao động tham gia vào các hoạt động kinh tế biển⁹.

Việc đa dạng hóa nguồn thu nhập cho cư dân ven biển giúp giảm rủi ro và tăng cường sự bền vững của cộng đồng ven biển. Người dân có thể chủ động chuyển đổi nghề nghiệp khi nguồn thu nhập chính từ một ngành kinh tế biển bị giảm sút hoặc tận dụng cơ hội kinh doanh từ những ngành dịch vụ trong chuỗi giá trị của kinh tế biển... Bên cạnh đó, sự phát triển của ngành hàng hải cũng mở ra nhiều cơ hội mới cho người lao động tham gia vào các hoạt động khai thác cảng biển, hoạt động trong ngành đóng tàu và làm việc tại các xưởng đóng tàu, từ đó giúp họ có thêm thu nhập để cải thiện chất lượng cuộc sống và xóa đói, giảm nghèo.

Thứ tư, kinh tế biển phát triển góp phần cung cấp nguồn thực phẩm, nguyên liệu cho cộng đồng, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Trong bối cảnh thách thức về an ninh lương thực ngày càng trở thành vấn đề đáng lo ngại trên toàn cầu, kinh tế biển đã trở thành một yếu tố then chốt bảo đảm cung

cấp nguồn thực phẩm cho cộng đồng, đồng thời bảo đảm an ninh lương thực quốc gia. Vùng biển Việt Nam có nguồn lợi thủy sản vô cùng phong phú, đa dạng và có giá trị kinh tế, như: cá, tôm, mực, ghẹ, cua, hải sâm, rong biển... Theo Viện Nghiên cứu Hải sản, vùng biển Việt Nam có trữ lượng nguồn lợi thủy sản bình quân hàng năm đạt 4,364 triệu tấn (chưa bao gồm nguồn lợi ở thềm lục địa, gò nổi và các vùng biển sâu). Nguồn lợi thủy sản vùng khơi chiếm 69%, vùng lộng chiếm 19% và ven bờ chiếm 12%. Vùng biển Việt Nam được chia thành 5 ngư trường khai thác với tỷ lệ nguồn lợi thủy sản khác nhau: Vịnh Bắc bộ chiếm 17,3%, vùng duyên hải miền Trung chiếm 20,0%, vùng Đông Nam Bộ chiếm 25,6%, vùng Tây Nam bộ 13,4% và vùng giữa Biển Đông là 23,7%¹⁰. Phát triển kinh tế biển trên cơ sở khai thác những tiềm năng về nguồn lợi sinh vật biển, ven biển và hải đảo sẽ cung cấp nguồn thực phẩm khổng lồ phục vụ đời sống cho người dân trong nước và đem lại nguồn thu ngoại tệ đáng kể từ hoạt động xuất khẩu thủy sản góp phần đưa Việt Nam trở thành một “quốc gia thủy sản” phát triển vững mạnh.

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam, vùng biển nước ta có khoảng 35 loại hình khoáng sản thuộc các nhóm nhiên liệu (nổi bật là dầu khí với trữ lượng ước tính đạt khoảng 3 - 4 tỷ tấn dầu quy đổi), khoáng sản lỏng, kim loại, đá quý và bán quý, đất hiếm, muối, các hóa phẩm tại vùng biển và thềm lục địa¹¹. Các loại sa khoáng, khoáng vật nặng thuộc các nguyên tố hiếm quý như titan, immelit, zircon cũng được phát hiện dọc ven biển nước ta. Những khoáng sản này có giá trị kinh tế cao, là nguồn nguyên liệu quan trọng phục vụ phát triển các ngành công nghiệp. Ngoài ra, với hơn 20 hệ sinh thái quanh các đảo ven bờ, đảo xa bờ; các bãi biển đẹp; các khu du lịch tâm linh, lễ hội truyền thống đặc sắc đã góp phần thúc đẩy các loại hình du lịch biển đa dạng.

Thứ năm, kinh tế biển góp phần thúc đẩy phát triển cơ sở hạ tầng, tăng cường liên kết vùng và bảo vệ môi trường bền vững.

Hiện nay, Việt Nam có 18 khu kinh tế ven biển đã được thành lập với tổng diện tích 857,6 nghìn ha (bao gồm diện tích mặt biển), thu hút 254 dự án đầu tư nước ngoài với tổng vốn đăng ký là 42 tỷ USD và 1.079 dự án đầu tư trong nước có tổng vốn đầu tư khoảng 805,2 nghìn tỷ đồng¹². Sự hình thành của những khu kinh tế này đã đóng góp tích cực vào quá trình đô thị hóa ở các khu vực ven biển, đồng thời mở đầu cho việc hình thành chuỗi đô thị biển với khoảng 600 đô thị, chiếm 8% tổng số đô thị trên cả nước với gần 19 triệu người¹³. Các khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghiệp, cụm công nghiệp nhỏ không chỉ là những trung tâm sản xuất, mà còn là động lực chính để thúc đẩy sự phát triển toàn diện kinh tế - xã hội của đất nước. Các khu kinh tế ven biển có cơ sở vật chất hạ tầng hiện đại gắn liền với cảng biển, sân bay và hệ thống đường bộ, đường sắt được nâng cấp, đồng bộ, đây là điều kiện thuận lợi để thu hút nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước; tiếp thu khoa học - công nghệ và kinh nghiệm quản lý hiện đại của nước ngoài; thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, từ đó lan tỏa ra các vùng khác trong nội địa.

Công nghiệp dầu khí đóng vai trò quan trọng trong sản xuất năng lượng, đồng thời hỗ trợ xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng cho nhiều vùng ven biển và hải đảo, như: Bắc và Nam Trung Bộ, Bà Rịa - Vũng Tàu, Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ. Việc xây dựng cảng biển và đội tàu hiện đại không chỉ tạo ra một hệ thống giao thông đồng bộ mà còn giảm chi phí logistics quốc gia, nâng cao khả năng thông thương và sức cạnh tranh của hàng hóa ngoại thương. Phát triển kinh tế biển của Việt Nam không chỉ là vấn đề của một vùng mà là của cả quốc gia. Sự đa dạng trong cơ cấu các ngành kinh tế biển, từ đánh bắt, nuôi trồng thủy sản đến chế biến thủy sản, sản xuất chế biến dầu khí, dịch vụ logistics, du

lich biển... sẽ tạo ra một môi trường kinh doanh phong phú và là nguồn lực quan trọng cho sự tăng cường kết nối vùng trong nước và quốc tế.

Nhiều khu nghỉ dưỡng, giải trí, lưu trú tiện nghi, hiện đại được xây dựng ven biển góp phần thúc đẩy ngành du lịch và cung cấp chỗ ở thường xuyên cho các chuyên gia, nhà quản lý kinh tế trong nước và thế giới. Sự kết hợp giữa tiện ích lưu trú, dịch vụ giải trí và cơ sở hạ tầng đô thị chất lượng cao đang tạo ra những khu vực ven biển độc đáo, thuận lợi cho sự phát triển bền vững và tăng cường kết nối vùng.

Phát triển kinh tế biển không chỉ đơn thuần khai thác nguồn lực biển mà còn cần phải hướng đến bảo vệ môi trường biển bền vững. Việc đầu tư vào cơ sở hạ tầng với mục tiêu bảo vệ môi trường và xây dựng các giải pháp phát triển bền vững góp phần phục hồi và duy trì nguồn lợi biển trong thời gian dài. Việc hình thành những khu bảo tồn sinh thái ven biển có ý nghĩa quan trọng nhằm duy trì sự đa dạng sinh học và là vùng đệm vững chắc giúp cộng đồng cư dân ven biển giảm thiểu thiệt hại, nâng cao năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu. Việc xây dựng hệ thống xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn ở các đô thị và các khu kinh tế cũng góp phần hạn chế sự rò rỉ của chất thải độc hại từ đất liền ra biển.

3. Vai trò của kinh tế biển đối với quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền quốc gia và mở rộng hợp tác quốc tế

Hiện nay, tình hình thế giới, đặc biệt là trên các vùng biển ngày càng trở nên phức tạp, khó lường. Những tranh chấp, xung đột về lãnh hải, chủ quyền và quyền kiểm soát trên biển đang là mối lo ngại hàng đầu cho tất cả các quốc gia có biển. Do đó, kinh tế biển, đảo không chỉ nằm ở giá trị vật chất, là cầu nối mở rộng ra biển, là điểm tựa quan trọng để khai thác nguồn lợi từ biển mà còn có ý nghĩa trong chiến lược quốc gia, là môi trường tác chiến quan trọng để triển khai thế

trận quốc phòng toàn dân, bảo vệ an ninh quốc gia và chủ quyền lãnh thổ.

Vùng biển Việt Nam nói riêng và biển Đông nói chung có vị trí địa chính trị - kinh tế rất quan trọng, nằm trên tuyến đường huyết mạch giữa Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương, kết nối với châu Âu, Trung Cận Đông với Đông Á và bờ biển phía Tây khu vực Mỹ La-tinh. Điều này vừa mang lại lợi thế rất lớn cho Việt Nam trong việc vươn ra biển, nâng cao vị thế địa chính trị - kinh tế, vừa đặt ra những trở ngại, thách thức do sự cạnh tranh quyết liệt giữa các nước lớn trong khu vực. Nhận thức được tầm quan trọng của kinh tế biển đối với sự nghiệp bảo vệ chủ quyền, an ninh biển, đảo và mở rộng hợp tác quốc tế, Đảng đã chỉ rõ “phát triển bền vững kinh tế biển gắn liền với bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, tăng cường đối ngoại, hợp tác quốc tế về biển, góp phần duy trì môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển”¹⁴.

Việc gia tăng số lượng tàu đánh bắt cá xa bờ cùng các hoạt động khai thác tài nguyên trên biển nhộn nhịp như thăm dò và khai thác dầu khí, khí đốt, khoáng sản... góp phần thực hiện chiến lược quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân trên các vùng biển. Kinh tế biển mở ra cơ hội hợp tác quốc tế đa dạng, từ lĩnh vực đầu tư, thương mại đến nghiên cứu và phát triển. Những quốc gia có chiến lược phát triển mạnh mẽ kinh tế biển thường thu hút sự quan tâm của các đối tác quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho họ tham gia vào các dự án hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm, mở rộng kiến thức, tăng cường sự tin cậy và đồng thuận trong giải quyết tranh chấp, xung đột. Kinh tế biển gắn liền với mở rộng hợp tác quốc tế còn góp phần nâng cao năng lực quốc gia trong việc sử dụng và khai thác biển, hướng tới mục tiêu phát triển kinh tế biển bền vững. Quá trình này vừa mở rộng cơ hội thương mại, vừa tăng cường vai trò quốc tế của Việt Nam trong cộng đồng quốc tế.

4. Kết luận

Với vị trí địa lý và tiềm năng biển lớn, Việt Nam có đầy đủ cơ hội để xây dựng và thực hiện thành công chiến lược kinh tế biển một cách thông minh, hiệu quả và bền vững. Kinh tế biển đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Vươn ra biển để khai thác và làm giàu từ biển, phấn đấu đưa Việt Nam trở thành quốc gia mạnh về biển, tạo nền tảng đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, làm cho đất nước ngày càng phồn thịnh □

Chú thích:

1, 4. *Vị thế và chiến lược phát triển kinh tế biển của Việt Nam*. <https://tapchicongthuong.com.vn>, truy cập ngày 28/10/2023.

2, 10. *Để kinh tế biển phát triển bền vững*. <https://consosukien.vn>, truy cập ngày 28/10/2023.

3. *Tăng trưởng GRDP của 63 tỉnh, thành quý I/2023: 45 địa phương cao hơn bình quân chung cả nước*. <https://kinhtetronguoc.vn>, truy cập ngày 28/10/2023.

5. Tổng cục Thống kê Việt Nam. *Niên giám thống kê*. H. NXB Thống kê, 2022, tr. 260 - 261.

6, 11. Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam và UNDP. *Kinh tế biển xanh Việt Nam - Hướng đến kịch bản phát triển bền vững kinh tế biển*. H. NXB Thanh niên, 2022, tr. 123, 165.

7, 8. Tổng cục Thống kê Việt Nam. *Báo cáo phân tích và dự báo thống kê năm 2022*. H. NXB Thống kê, 2023, tr. 259, 260.

9. *Phát triển bền vững kinh tế biển: Hướng đi mới trong quản lý văn hóa biển, đảo Tổ quốc*. <https://vasi.gov.vn>, truy cập ngày 29/10/2023.

12. *Thực trạng phát triển khu kinh tế ven biển tại Việt Nam*. <https://tapchicongthuong.vn>, truy cập ngày 29/10/2023.

13. *Kinh tế biển là động lực phát triển*. <https://baochinhphu.vn>, truy cập ngày 29/10/2023.

14. *Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ tám (khóa XII) về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045*.